

## **CÔNG BẰNG XÃ HỘI VÀ PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI BỀN VỮNG**

*Phạm Thành Nghị\**

*Trên phạm vi toàn thế giới, nhiều quốc gia đang phát triển đã rất thành công trong phát triển con người: tuổi thọ tăng đáng kể, mức phát triển giáo dục khá cao so với thu nhập. Ở nhiều quốc gia khác, tình trạng kém phát triển con người vẫn rất nặng nề và hầu như chưa có dấu hiệu khả quan nào cho thấy tình hình sẽ được cải thiện sớm. Nhưng một điều có thể khẳng định là sự chênh lệch lớn giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng miền đã làm mất cơ hội phát triển của nhiều nhóm người, nhiều cộng đồng và chính điều này là nguyên nhân sâu xa của những vấn đề xã hội và sẽ làm tăng thêm gánh nặng của quốc gia, cộng đồng trong tương lai. Do đó, phát triển con người bền vững luôn đi liền với công bằng xã hội và bình đẳng về cơ hội phát triển. Bài viết này chỉ ra mối quan hệ giữa công bằng, bình đẳng và phát triển con người bền vững.*

### **1. Công bằng xã hội**

Công bằng là thành tố nền tảng của cuộc sống xã hội, là chuẩn mực đạo đức cơ bản bảo đảm rằng mỗi người nhận được phần mà anh ta xứng đáng được hưởng (Cohen, 1986). Vấn đề thường được tranh luận là cá nhân được quyền hưởng cái gì và theo nguyên tắc nào, theo quy trình nào. Những khác biệt về công bằng xã hội thường xuất hiện không chỉ giữa các cá nhân và các nhóm xã hội mà còn theo thời gian và các nền văn hoá khác nhau. Công bằng trong phân bổ bao trùm nhiều lĩnh vực nhu cầu của con người như tự do cơ bản, tự do chính trị, quyền lực, vị thế, thu nhập và sự giàu có, giáo dục và cơ hội việc làm, nhà ở và chăm sóc sức khoẻ. Thông thường sự công bằng liên quan đến những thứ còn thiếu thốn, tuy nhiên không phải

lúc nào cũng đúng như vậy. Ngay cả khi của cải xã hội thừa thãi, chúng vẫn mang lại những giá trị thoả mãn vốn có và sự phân bổ vẫn phải tuân thủ nguyên tắc công bằng. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, sự bình đẳng của đầu ra có thể được xem là không công bằng, và sự bất bình đẳng về kết quả có thể xem là sự công bằng tuyệt đối.

Cũng cần nhấn mạnh rằng vấn đề công bằng được đặt ra khi có sự bất bình đẳng trong phân bổ, nhưng sự bình đẳng trong phân bổ lại làm xuất hiện vấn đề liên quan đến công bằng. Aristotle (1953) cho rằng: Nếu con người không như nhau, họ sẽ không có sự chia sẻ bằng nhau, và nếu cá nhân không như nhau, sự chia sẻ bằng nhau sẽ dẫn đến bất công bằng". Sự bất công bằng trong phân bổ còn là kết quả của sự phân bổ quyền lực; những người ở vị thế yếu thường bị đối xử không bình

\* PGS.TS.; Viện Nghiên cứu Con người.

đẳng (Cook và Hegtvedt, 1986; Molm, 1991).

Có thể thấy nhiều lĩnh vực có sự trùng lặp về bình đẳng/bất bình đẳng, ở đó vấn đề công bằng được coi là quan trọng. Các lĩnh vực liên quan đến phạm vi pháp lý, chính trị và xã hội của sự tồn tại bao quát hàng loạt các hành vi xã hội của con người. *Công bằng pháp lý* là việc áp dụng luật pháp và các quy trình đối với các cá nhân và tổ chức thông qua hệ thống quy tắc được đưa ra và thiết lập theo tập tục hay ý chí của Nhà nước và theo đó sự trừng phạt sẽ dành cho kẻ không chấp hành. *Công bằng chính trị* thể hiện ở chỗ vấn đề độc lập hay phụ thuộc xuất hiện từ sự phụ thuộc lẫn nhau theo mức độ quyền lực và ảnh hưởng của những người tham gia hay các bên tham gia đối với mối quan hệ. *Công bằng kinh tế* là sự phân bổ sản phẩm vật chất cho sự tồn tại, nơi mà sự đóng góp, mức sống kinh tế của các bên và nhu cầu cơ bản là những căn cứ quan trọng cho sự phân bổ. *Công bằng xã hội* có mặt ở nơi mà vị thế, sự tôn trọng và cảm giác giá trị nhận được trong tương tác xã hội hoặc quan hệ với xã hội.

Nguyên tắc công bằng của Aristotle trong mối quan hệ thị trường nhấn mạnh tỷ lệ giữa đóng góp và sự đền đáp mong đợi và chỉ ra rằng hầu hết các hợp đồng hay sự mua bán đều tuân theo tỷ lệ trao đổi (Greenberg và Cohen, 1982, p.4). Tất nhiên, không dễ để các bên tham gia thoả thuận tỷ lệ trao đổi.

Công bằng mang ý nghĩa tương đối và không phải là lý thuyết trừu tượng về một xã hội lý tưởng. Cần phân biệt công bằng phân bổ và công bằng theo quy trình để trả lời hai câu hỏi (1) ai được nhận cái gì và

được nhận như thế nào và (2) ai nên nhận cái gì và nên nhận như thế nào? Công bằng theo quy trình liên quan đến cơ chế hay quy tắc mà theo đó sự phân bổ các kết quả được tiến hành; trong khi đó công bằng phân bổ liên quan đến kết quả phân bổ. Đây là hai khía cạnh của một quá trình nhưng liên quan đến hai khía cạnh khác nhau của công bằng. Công bằng phân bổ liên quan đến việc so sánh sự đền đáp mà một người hay một nhóm người nhận được so với chuẩn mực công bằng hay sự xứng đáng được hưởng, trong khi đó công bằng theo quy trình chỉ cơ chế của hệ thống điều tiết quá trình phân bổ.

Theo Greenberg và Cohen (1982), mỗi hệ thống kinh tế xã hội có quan điểm công bằng của mình và điều đó được thể hiện trong cấu trúc xã hội và các nguyên tắc mà theo đó phân bổ các sản vật cơ bản nhất: tự do cơ bản, quyền lực, cơ hội, thu nhập và tài sản.

Hầu hết các nghiên cứu về công bằng phân bổ đều cho rằng ngoại trừ đóng góp (đầu tư, nguồn lực v.v.) là bình đẳng, có thể có sự phân bổ không bình đẳng đầu ra, nhìn chung sự phân bổ được kỳ vọng là tương ứng với mức đóng góp (Heider, 1958: 288; Homan, 1976: 249). Khi có được tỷ lệ đóng góp so với lợi ích nhận được của những cá nhân, nhóm người khác nhau, chúng ta có thể đánh giá mức độ công bằng xã hội:

Công bằng =  $(\text{Lợi ích A} / \text{Đóng góp A}) - (\text{Lợi ích B} / \text{Đóng góp B}) = 0$

Ở đây A và B là hai người (nhóm người), họ cho là công bằng khi nhận thấy tỷ lệ đóng góp so với lợi ích thu được của mình và tỷ lệ đóng góp so với lợi ích thu được của người kia/nhóm kia là bằng

nhau. Trong trường hợp hai tỷ lệ này khác nhau thì một trong hai người/nhóm người sẽ cho rằng mình bị đối xử dưới mức đáng được hưởng hay bị đối xử bất công bằng.

Các xã hội khác nhau có mức độ bất công bằng khác nhau. Trong xã hội phương Tây, sự công bằng được tính theo mức độ xứng đáng được hưởng: chuẩn "cần phải" có mối liên hệ với quá trình phân bổ đang diễn ra. Trong khi đó ở các xã hội phương Đông, có mối liên hệ chặt chẽ giữa nhu cầu tối thiểu với mức thu nhập (Alvin và những người khác, 1996: 123-128). Tương tự như vậy, sự công bằng cũng có thể xem xét căn cứ theo mức độ chênh lệch thu nhập của nam giới và nữ giới, của các nhóm sắc tộc. Những sự khác biệt trong đánh giá công bằng cũng có thể thấy ở các quốc gia, nhóm người khác nhau. Ngoài ra, chúng ta cũng có thể thấy sự căng thẳng giữa các thế hệ và sự công bằng giữa các thế hệ trong hưởng thụ các lợi ích trong mối quan hệ với trách nhiệm.

## 2. Công bằng xã hội và phát triển con người bền vững

Vấn đề phát triển con người đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm từ lâu. Con người được khẳng định là vốn quý nhất. Đặc biệt, tại Đại hội VIII của Đảng, quan điểm "*lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững*" đã khẳng định vai trò quyết định của con người trong phát triển kinh tế - xã hội; con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển. Có thể nói rằng, phát triển con người ở nước ta đang được quan tâm đầu tư và kết quả phát triển con người thể hiện khá ấn tượng trong sự gia tăng liên tục của chỉ số phát triển con người (HDI) từ những năm 1990

đến nay. Trước năm 1990 chỉ số phát triển con người của Việt Nam là 0.608, được xếp thứ 74 trong 130 nước. Chỉ số này tăng lên 0.709 vào năm 2004 và được xếp thứ 109 trong 177 quốc gia tham gia xếp hạng (UNDP, 1990, 2006). Tuy nhiên, sự chênh lệch về mức độ phát triển con người giữa các địa phương, dân tộc, tầng lớp xã hội, giữa nam và nữ đang là thách thức to lớn cho phát triển con người bền vững ở nước ta. Báo cáo phát triển con người của Việt Nam 1999-2004 đã chỉ ra, tình có chỉ số phát triển con người cao nhất năm 1999 là 0.799 trong khi đó tình có chỉ số phát triển con người thấp nhất chỉ là 0.486; đến năm 2004 các chỉ số này tương ứng là 0.828 và 0.529 (Viện Khoa học xã hội Việt Nam, 2006).

Một điều có thể khẳng định là sự chênh lệch lớn giữa các tầng lớp, giữa các vùng miền đã làm mất cơ hội phát triển của nhiều nhóm người và chính điều này sẽ trở thành gánh nặng của quốc gia, cộng đồng trong tương lai. Do đó, sự phát triển bền vững luôn đi liền với bình đẳng về cơ hội tiếp cận nguồn lực và cơ hội phát triển năng lực. Báo cáo phát triển con người 1993 của UNDP kêu gọi "*sự hợp tác giữa các quốc gia và thị trường*" để "*phối hợp giữa tính hiệu quả của thị trường với kỳ vọng xã hội*" và "*kiểu quản lý mới của các quốc gia và các tổ chức quốc tế đảm bảo sự tăng cường khát vọng của người dân*". Báo cáo phát triển con người 1994 của UNDP cho rằng cơ sở của sự phát triển con người bền vững nằm ở sự chấp nhận toàn cầu về sự bình đẳng trong tiếp cận và cơ hội cho tất cả mọi người tại thời điểm hiện tại và trong tương lai, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc sắc tộc.

Sự phát triển kinh tế phải hài hoà với bảo vệ môi trường và với sự đáp ứng những nhu cầu cơ bản của con người. Như vậy, cơ may tạo ra sự phát triển con người bền vững gắn liền với sự quản lý của chính phủ, các chính sách và cơ hội tham gia của người dân, mà trước hết, phải công nhận quyền của mỗi con người được sinh ra và được hưởng một cuộc sống tử tế (decent life).

### 2.1. Khái niệm phát triển con người bền vững

Báo cáo “Tương lai chung của chúng ta” của Hội đồng Brundland năm 1987 đưa ra định nghĩa phát triển bền vững là “*sự đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không phương hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai*”. Qua các tuyên bố quan trọng của các tổ chức quốc tế, khái niệm này được mở rộng sang các nhân tố xã hội và con người, nó hàm chứa sự bình đẳng giữa nước giàu và nước nghèo, vùng giàu và vùng nghèo, tầng lớp giàu và tầng lớp nghèo, giữa các thế hệ v.v...

Phát triển con người bền vững là một lý thuyết phát triển kinh tế-xã hội. Yếu tố con người được coi là điểm khởi đầu và cũng là cái đích của sự phát triển. Nó đương đầu với các thách thức con người và xã hội của sự phát triển như là những yếu tố nổi trội; tiềm năng vật chất chỉ được coi là điều kiện để đạt được sự phát triển con người và xã hội mà thôi. Cơ sở của phát triển con người bền vững không chỉ là ở chỗ nâng cao cuộc sống vật chất mà cái chính yếu lại nằm ở chỗ nâng cao các chuẩn mực văn hoá của con người, giúp họ sống hoàn thiện hơn, phát huy được tài năng và tăng cường năng lực.

Điều rõ ràng ở đây là giáo dục và văn hoá đưa đến những lợi ích vượt trội.

Sự phát triển phải trả giá bằng sự nghèo đói của một nhóm người hay sự giàu lên của một bộ phận xã hội mà gây thiệt hại cho những nhóm người khác, hay sự phát triển phương hại đến tự do hoặc làm mất cân bằng chính trị-xã hội là đối lập với phát triển con người bền vững. Vì vậy, sự nối kết giữa phát triển kinh tế và phát triển con người là sự nối kết phổ biến soi sáng chính sách được bắt đầu từ con người và xã hội và cũng kết thúc ở con người và xã hội. Do đó, vấn đề không phải ở chỗ ai được lợi từ tăng trưởng kinh tế và từ đó có thể xem xét việc phân bổ lại thu nhập mà vấn đề là phương thức phát triển nói chung và sự phát triển sẽ tác động như thế nào đến sự thay đổi môi trường kinh tế và xã hội vì lợi ích của tất cả mọi người với việc phải phân bổ lại ít nhất thu nhập.

Trong các báo cáo phát triển con người từ năm 1990 đến 1993, UNDP đã xác định ba thành tố của sự phát triển con người: *của con người, cho con người và bởi con người*; nhưng sự phát triển này phải đến với các thế hệ tương lai. Do vậy, có thể xác định mô hình phát triển con người bền vững gồm 4 thành tố:

- Thứ nhất, sự phát triển *của con người* mang ý nghĩa là *tăng cường năng lực và sức khoẻ* để con người có thể tham gia đầy đủ vào cuộc sống, là sự tăng cường năng lực để con người có thể tiến hành các hoạt động có năng suất cao và sáng tạo;

- Thứ hai, sự phát triển *cho con người* hàm ý rằng tất cả mọi người đều có cơ hội tiếp nhận phần *chia sẻ công bằng nguồn lợi* do tăng trưởng kinh tế mang lại, đó là sự bình đẳng về cơ hội;

- Thứ ba, sự phát triển bởi con người, hàm ý rằng tất cả các thành viên của xã hội có cơ hội tham gia vào sự phát triển, tham gia vào việc quyết định và xây dựng các quy trình tác động tới cuộc sống của họ;

- Cuối cùng, sự phát triển hiện tại phải đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến các thế hệ tương lai, cho dù đó là sự cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, tiêu cực xã hội, sự kém cỏi trong phát triển nguồn nhân lực, sự huỷ hoại văn hoá, hay bất kỳ khó khăn nào khác do những quyết định lựa chọn hiện tại gây ra.

Trước hết, phát triển con người bền vững xoay quanh phát triển năng lực con người tức là tạo ra sự bình đẳng về cơ hội cho phát triển năng lực thông qua các chính sách xã hội và chính sách kinh tế và các chương trình hướng tới sự hoàn thiện con người. Phát triển năng lực con người được thực hiện thông qua phát triển giáo dục. Một nền giáo dục có thể tiếp cận được cho mọi người là nền giáo dục đa dạng bao gồm giáo dục bắt buộc được Nhà nước tài trợ, tạo cơ hội cho mọi người tiếp thu những kiến thức cơ bản để có cơ hội phát triển lâu dài; giáo dục nghề nghiệp và giáo dục bậc cao được cá nhân và doanh nghiệp bảo đảm với sự hỗ trợ nhất định của Nhà nước. Điều quan trọng để phát triển năng lực của con người là cơ hội được học tập bất cứ lúc nào, bất kỳ ở đâu và với bất kỳ hoàn cảnh tài chính nào. Người học có thể được vay để học, học khi đang làm việc, học từ xa. Phát triển năng lực thể chất của con người là bộ phận để tăng cường năng lực và là điều kiện để tiếp thu kiến thức, kỹ năng và phát triển năng lực nói chung. Chỉ khi có năng lực, con

người mới tận dụng được các cơ hội, mới tham gia hiệu quả vào quyết định các công việc xã hội và lao động sáng tạo. Nói tóm lại, sự phát triển năng lực con người là điều kiện quan trọng nhất để bảo đảm sự phát triển con người bền vững.

Thứ hai, sự bình đẳng về cơ hội tiếp cận các nguồn lực do tăng trưởng mang lại, điều kiện để phát triển con người bền vững, liên quan đến xây dựng và thực thi các chính sách kinh tế và chính sách xã hội. Trong kinh tế, tạo cơ hội cho mọi người được tiếp cận nguồn vốn, tiếp cận kỹ thuật và công nghệ để tạo thu nhập, phát triển kinh tế là những quyết sách phù hợp giúp nhóm người yếu thế tăng thu nhập. Chính sách xã hội cũng phải hướng tới tạo cơ hội cho người nghèo, người gặp rủi ro, bệnh tật vượt qua tình trạng khó khăn thông qua các chương trình xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế v.v.

Thứ ba, sự phát triển bởi con người, thông qua tăng cường sự bình đẳng về cơ hội tham gia, chỉ có thể xảy ra nếu quyền lực chính trị, kinh tế và xã hội được phân đều một cách rộng rãi trong cộng đồng. Sự phân bổ này cho phép con người ảnh hưởng đến các chức năng xã hội, kinh tế và chính trị, nền tảng của phát triển con người. Theo quan điểm này, phát triển con người hàm ý rằng con người, theo quyền chính đáng của mình, phải được tiếp cận cách thức để thực thi quyền ấy. Sự tham gia vừa là mục tiêu vừa là phương tiện và phi tập trung hoá trong quản lý là cách thức tạo điều kiện cho sự tham gia này. Liên quan đến khía cạnh thứ ba này, khái niệm vốn xã hội được coi là phương tiện nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan

hệ giữa con người với con người trong xã hội và cơ hội của họ tham gia vào các tổ chức tự nguyện, quan hệ qua lại và được đối xử vị tha. Sự quan tâm về phát triển vốn xã hội giúp tạo dựng một tinh thần xã hội chung cùng với từng mặt riêng biệt như sức khoẻ, tự do và kỹ năng cá nhân (Banuri, Hyden, Juma and Rivera, 1994). Ở nhiều quốc gia, một số nhóm người luôn luôn bị thiệt thòi về cơ hội tham gia. Đó là người nghèo, phụ nữ, trẻ em, người thiếu số, người nông thôn, người tàn tật. Báo cáo phát triển con người 1993 ước tính có khoảng 90% dân cư trên thế giới không có khả năng gây ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế, chính trị và xã hội của quốc gia nơi họ sống. Tăng cường mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động xã hội là một thử thách quan trọng nhất của sự phát triển con người bền vững.

Cuối cùng, sự phát triển hiện tại không được gây ra tác động tiêu cực đến các thế hệ tương lai, chỉ sự bình đẳng giữa các thế hệ, chỉ có thể được thực hiện thông qua tầm nhìn dài hạn, sự tính toán lợi ích khi ra quyết định, không quá tập trung vào thế hệ hiện tại mà quên tính đến lợi ích của các thế hệ tương lai. Sự phát triển bền vững, đặc biệt sự phát triển con người bền vững, chỉ có thể được thực hiện khi lãnh đạo có tầm nhìn, có triết lý nhân văn và huy động được các lực lượng xã hội tham gia vào việc ra các quyết định phát triển.

Tư tưởng mới nhất của UNDP về sự phát triển con người bền vững là để tất cả các nội dung về sự phát triển của con người, cho con người và bởi con người có thể đến với các thế hệ tương lai. Bình đẳng tiếp cận và bình đẳng về cơ hội là các yếu tố cơ bản nhất của tầm nhìn về các điều

kiện cho phát triển con người bền vững.

### 3. Vấn đề và kiến nghị giảm thiểu bất bình đẳng về cơ hội phát triển của các nhóm người và cộng đồng người

Những tiến bộ trong phát triển kinh tế - xã hội của nước ta những năm vừa qua được ghi nhận và ngưỡng mộ. Chỉ số phát triển con người cũng tăng lên một cách rất ấn tượng. Tuy nhiên, để đạt được sự phát triển con người bền vững cần phải có sự phân bổ công bằng giá trị do tăng trưởng mang lại, tạo cơ hội cho nhóm người thiệt thòi vươn lên. Để đánh giá mức độ phát triển con người bền vững ở Việt Nam những năm qua, cần phải điểm qua mức độ đáp ứng 4 nội dung được xác định ở phần 2 của bài viết này và đưa ra kiến nghị khắc phục những vấn đề được xác định.

#### 3.1. Phát triển năng lực của con người

Trong đánh giá phát triển con người, năng lực của con người được phản ánh qua chỉ số giáo dục và y tế. Năm 2004, tỷ lệ biết chữ của người lớn và tỷ lệ nhập học của các cấp giáo dục trên phạm vi toàn quốc là khá cao, tương ứng là 92.2% và 72.1%. Tuy nhiên, khi so sánh tỷ lệ này, có sự chênh lệch khá lớn giữa các nhóm địa phương có tỷ lệ phát triển con người cao, trung bình và thấp. Tỷ lệ nhập học ở các cấp giáo dục của ba nhóm địa phương này tương ứng là: 72.6%, 70.7% và 67.5%, trong khi đó tỷ lệ người lớn biết chữ có chênh lệch cao hơn: 94.4%, 88.0% và 65.9%. Sự khác biệt còn rõ hơn khi so sánh hai chỉ số này ở tỉnh có chỉ số phát triển con người cao nhất và tỉnh có chỉ số phát triển con người thấp nhất. Tỷ lệ nhập học của hai tỉnh tương ứng là 72.7% và 60.5% và tỷ lệ người lớn biết chữ tương ứng là 94.4% và 55.5% (Viện Khoa học xã

hội Việt Nam, 2006).

Tuổi thọ trung bình là chỉ số chăm sóc sức khỏe tổng hợp, phản ánh mức độ chăm sóc y tế. Chỉ số này cũng có sự chênh lệch khá lớn giữa ba nhóm địa phương có chỉ số phát triển con người cao, trung bình và thấp, tương ứng là: 72.9 tuổi, 69.1 tuổi và 63.1 tuổi. Sự khác biệt giới về giáo dục và chăm sóc y tế cũng rất rõ nét. Trên phạm vi toàn quốc, chỉ có 5.4% nam giới mù chữ, trong khi đó tỷ lệ này ở nữ giới là 10.2%. Tuy nhiên, nữ giới có tuổi thọ cao hơn nam giới, tương ứng là 74.4 tuổi và 69.1 tuổi.

Để có thể giảm dần sự chênh lệch giữa các nhóm địa phương về các chỉ số giáo dục và y tế như các chỉ số thành phần của chỉ số phát triển con người, cần tạo điều kiện cho người dân ở các địa phương kém phát triển có cơ hội tiếp cận các dịch vụ giáo dục và y tế bằng việc đầu tư cao hơn đáng kể cho các vùng này cũng như tạo điều kiện cho phụ nữ và các em gái có cơ hội nhiều hơn trong sử dụng các dịch vụ y tế và giáo dục.

### 3.2. Vấn đề thu nhập và xoá đói giảm nghèo

Bất bình đẳng về cơ hội tiếp cận các nguồn lực do tăng trưởng mang lại đã cản trở sự phát triển con người bền vững. Trong khi thu nhập quốc nội (GDP) theo đầu người tăng lên, sự phân bổ thu nhập giữa các nhóm dân cư còn nhiều chênh lệch. Sự chênh lệch thu nhập giữa nhóm 20% dân cư có thu nhập cao và nhóm 20% dân cư có thu nhập thấp theo sức mua tương đương tương ứng là 4151 USD và 511 USD; chênh lệch lên đến 8 lần. Thu nhập bình quân đầu người năm 2004 của ba nhóm địa phương có chỉ số phát triển

con người cao, trung bình và thấp cũng có chênh lệch khá lớn, tương ứng là 710 USD, 314 USD và 210 USD. Chênh lệch thu nhập bình quân tháng của nhóm 20% dân cư có thu nhập cao giữa ba nhóm địa phương có chỉ số phát triển con người cao, trung bình và thấp cũng có chênh lệch khá lớn, tương ứng là 1105 nghìn đồng, 818 nghìn đồng và 565 nghìn đồng. Ở nhóm 20% dân cư có thu nhập thấp, thu nhập bình quân tháng tương ứng là 178 nghìn đồng, 126 nghìn đồng và 102 nghìn đồng. Như vậy, sự chênh lệch giữa các nhóm địa phương có chỉ số phát triển con người khác nhau thể hiện trên cả chỉ số thu nhập trung bình, chênh lệch giữa nhóm người giàu nhất và nhóm người nghèo nhất.

Chỉ số nghèo tổng hợp, phản ánh mức độ nghèo khổ về con người, bằng trung bình cộng của các tỷ lệ người không sống quá 40 tuổi, tỷ lệ người lớn mù chữ, và tỷ lệ dân số không được tiếp cận nước sạch và tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng cân nặng theo độ tuổi. Chỉ số này còn rất cao ở nhóm địa phương có chỉ số phát triển con người thấp, 40.7% so với 11.9% ở các địa phương có chỉ số phát triển con người cao và 19.9% ở các địa phương có chỉ số phát triển con người trung bình. Thu nhập thấp đồng nghĩa với các điều kiện phát triển con người hạn chế, nhất là các điều kiện cho phát triển giáo dục, y tế và các hoạt động văn hoá xã hội khác.

Các chương trình xoá đói giảm nghèo ở nước ta đang được triển khai có kết quả tốt giúp giảm thiểu đáng kể tỷ lệ hộ nghèo trên phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, để giải quyết cơ bản vấn đề này, phải thay đổi cách nhìn nhận, tạo ra sự bình đẳng về cơ hội tiếp cận nguồn lực, thông tin, thị

trường; phải đầu tư cải thiện cơ bản cơ sở hạ tầng ở các vùng khó khăn và nâng cao đáng kể trình độ của người dân để họ có thể tự xây dựng kế hoạch tạo thu nhập, giải quyết việc làm và giảm thiểu các vấn đề xã hội. Như vậy, phải xuất phát từ quan điểm tạo ra sự bình đẳng về cơ hội tiếp cận nguồn lực cho những cư dân vùng khó khăn, nhóm thiệt thòi và những cộng đồng chậm phát triển vì mục tiêu phát triển bền vững.

### 3.3. Vấn đề cơ hội tham gia của người dân

Bình đẳng về cơ hội tham gia của người dân đảm bảo các quyết định phát triển kinh tế - xã hội, chính sách xoá đói giảm nghèo, giải quyết các vấn đề xã hội mang lại lợi ích một cách công bằng cho mọi người dân. Ở nước ta việc thực thi dân chủ cơ sở đã cho phép người dân tham gia vào thảo luận và quyết định các công việc xã hội và thông qua sự tham gia của người dân, lợi ích của họ và cộng đồng được bảo vệ. Tuy nhiên, sự bất bình đẳng có thể thấy rất rõ trong lĩnh vực này. Chẳng hạn, có sự bất bình đẳng giới về sự tham gia vào các cơ quan dân cử như Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố. Chỉ có 27.3% đại biểu Quốc hội là phụ nữ trong nhiệm kỳ 2002-2007 và 21% đại biểu Hội đồng nhân dân là nữ khoá 1999-2004. Sự bất bình đẳng trong cơ hội tham gia còn có thể thấy giữa các tộc người và các nhóm xã hội. Để tăng cường cơ hội tham gia của người dân vào thảo luận và đưa ra các quyết định tác động đến lợi ích của người dân và các nhóm cộng đồng, cần tăng cường thực thi dân chủ cơ sở, phát huy vai trò chủ thể của từng nhóm người và cộng đồng. Trước hết, phải thực

hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở đã được Chính phủ ban hành.

### 3.4. Vấn đề bảo vệ môi trường và đầu tư phát triển các thế hệ tương lai

Hủy hoại môi trường và khai thác cạn kiệt tài nguyên tác động tiêu cực đến cơ hội phát triển của các thế hệ tương lai. Các nước phát triển gây ô nhiễm môi trường, thải ra nhiều khí các-bon-nic, phá huỷ tầng ozôn, gây mưa a-xít v.v. Các nước đang phát triển chịu nạn ô nhiễm nguồn nước, nạn phá rừng, đất bạc màu, ô nhiễm môi trường sống. Thị trường, nhìn chung, thường không thân thiện với môi trường, do đó, Chính phủ phải đóng vai trò trung tâm trong điều tiết sự công bằng về sử dụng tài nguyên và thực hiện trách nhiệm xã hội. Các chương trình cần lôi cuốn sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân. Đặc biệt, người lãnh đạo mạnh mẽ, đổi mới và chịu trách nhiệm sẽ xác định mục tiêu và động viên mọi người theo đuổi mục tiêu bảo vệ môi trường. Cần khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, công nghệ sạch; có quy định đánh thuế những doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường. Hơn nữa, nâng cao ý thức sinh thái của người dân, xây dựng văn hoá sinh thái là cơ sở quan trọng, đảm bảo sự phát triển bền vững tại cộng đồng.

Tóm lại, phát triển con người bền vững phụ thuộc vào mức độ Chính phủ triển khai ý tưởng phát triển bền vững trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội và môi trường và các giải pháp khả thi cho sự giám sát của người dân. Nhưng nền tảng của phát triển con người bền vững là tạo ra sự bình đẳng trong cơ hội tiếp cận nguồn lực và cơ hội phát triển năng lực. Ngoài việc tạo dựng bộ máy và các nguyên tắc



làm việc minh bạch, sự tham gia của người dân vào ban hành các quyết định và giám sát việc thực thi các quyết định là một đảm bảo cho chính sách phát triển con người bền vững được thực thi vì lợi ích người dân, hướng vào nhu cầu người dân và được người dân tham gia và giám sát, đảm bảo sự bình đẳng trong cơ hội và công bằng trong hưởng thụ các lợi ích sinh ra.

#### Tài liệu tham khảo

- Alwin D.F., Gornev G. và Khakhulina, L. 1996, "Comparative Referential Structure, System Legitimacy, and Justice Sentiment: An International Comparison." In *Social Justice and Political Change: Public Opinion in Capitalist and Post-Communist States*. New York: Aldine de Gruyter.
- Aristotle, 1953, *Nicomachean Ethics*. Trans. J.A.K. Thompson. London: George Allen and Unwin.
- Cohen, R. L., 1986 (ed.) *Justice: Views from the Social Sciences*, New York: Plenum.
- Cook, K. S và Hegtvedt K.A, 1986, "Justice and Power: An Exchange Analysis." in Bierhoff . H.W., Cohen R.L. Greenberg J. (eds.) *Justice in Social relations*. New York: Plenum.
- Banuri, T., G. Hyden, C. Juma, and M. Rivera. (1994) "Defining and Operationalising Sustainable Human Development: A Guide for the Practitioner." Mimeo.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VIII
- Greenberg J. và Cohen R.L., 1982, *Equity and Justice in Social Behavior*. New York: Academic Press.
- Heider F., 1958, *The Psychology of Interpersonal Relations*. New York: Wiley.
- Homans G., 1976, "Commentary." In Berkowitz L. và Walster E. (eds.) *Equity Theory: Toward a General Theory of Social Interaction*. New York: Academic Press.
- Molm L. D. 1991, "Affect and Social Exchange: Satisfaction in Power-Dependence Relations." *American Sociological Review* 56:475-493.
- Phạm Thành Nghị (2005) Phát triển con người bền vững và những thách thức trong quản lý, Tạp chí Nghiên cứu Con người, số 4 (19).
- Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2006) *Phát triển Con người Việt Nam 1999-2004*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
- UNDP Báo cáo phát triển con người 1990, 1991, 1992, 1993, 1994, New York: Oxford Press.
- UNDP (1995) *Public Sector Management, Governance and Sustainable Human Development – a Discussion Paper*.